

**NGHỊ QUYẾT
Về Khu thương mại tự do thành phố Đồng Nai**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai về việc xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố quy định trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng, điều chỉnh ranh giới Khu thương mại tự do thành phố Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số/BC-BKTNS ngày ... tháng ... năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết về Khu thương mại tự do trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định trình tự, thủ tục thành lập, điều chỉnh ranh giới, diện tích; cơ chế, chính sách về quản lý, tổ chức, hoạt động, ưu đãi đầu tư, tạo thuận lợi thương mại, cải thiện môi trường kinh doanh và chính sách đặc thù phát sinh trong quá trình hoạt động của Khu thương mại tự do trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai; cơ quan được giao nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về Khu thương mại tự do; các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến các hoạt động quy định tại Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khu thương mại tự do là khu chức năng có ranh giới địa lý xác định, gắn liền hoặc kết nối giao thông trực tiếp với hệ thống cảng biển quốc tế, cảng hàng không quốc tế, trung tâm tài chính quốc tế, cửa khẩu quốc tế quan trọng hoặc hạ tầng logistics chiến lược khác; được thành lập để áp dụng các cơ chế, chính sách vượt trội về đầu tư, tài chính, thương mại, dịch vụ chất lượng cao, logistics, thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu, hoạt động nghiên cứu và phát triển và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; có thể gồm nhiều khu chức năng.

2. Điều chỉnh ranh giới, diện tích Khu thương mại tự do là việc thay đổi ranh giới địa lý hoặc quy mô diện tích của Khu thương mại tự do so với quyết định thành lập hoặc quyết định điều chỉnh gần nhất.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm phù hợp chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với một trong các quy hoạch sau: quy hoạch chung Thành phố và các quy hoạch có liên quan.

2. Cơ chế, chính sách phát triển Khu thương mại tự do phải có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với bối cảnh thực tiễn phát triển của thành phố và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của Nhà nước, tạo động lực, đột phá mới cho thành phố và đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới.

3. Bảo đảm công khai, minh bạch, tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP, MỞ RỘNG VÀ ĐIỀU CHỈNH RANH GIỚI KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO

Điều 5. Trình tự, thủ tục thành lập Khu thương mại tự do

1. Khu thương mại tự do được thành lập nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng các mục tiêu quy định tại khoản 4, Điều 2 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

b) Khu thương mại tự do được tổ chức thành các khu chức năng, bao gồm: khu sản xuất; logistics; dịch vụ tài chính, thương mại – dịch vụ và nghiên cứu đổi mới sáng tạo. Các khu chức năng trong Khu thương mại tự do đáp ứng điều kiện khu phi thuế quan theo quy định của pháp luật được bảo đảm hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và hoạt động quản lý nhà nước theo lĩnh vực tương ứng của các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật

c) Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố;

d) Phù hợp với một trong các quy hoạch sau: Quy hoạch tổng thể thành phố Đồng Nai, quy hoạch chung thành phố Đồng Nai, quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng, các quy hoạch chi tiết ngành;

đ) Có khả năng huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của khu thương mại tự do và phát triển sản xuất, kinh doanh;

e) Có hiệu quả kinh tế - xã hội;

g) Đáp ứng điều kiện bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

h) Bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Hồ sơ thành lập Khu thương mại tự do:

Cơ quan quản lý nhà nước về Khu thương mại tự do lập hồ sơ thành lập Khu thương mại tự do, bao gồm:

a) Đề án thành lập Khu thương mại tự do, bao gồm các nội dung sau: căn cứ pháp lý, sự cần thiết của việc thành lập Khu thương mại tự do; đánh giá hiện trạng, các yếu tố và điều kiện về vị trí địa lý tự nhiên, tài nguyên, kinh tế - xã hội, các hạn chế và lợi thế so sánh của khu vực dự kiến thành lập Khu thương mại tự do so với các khu vực khác trên địa bàn cả nước; đánh giá và giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này (kèm theo các tài liệu có liên quan); dự kiến phương hướng phát triển của Khu thương mại tự do gồm: mục tiêu phát triển, quy mô diện tích, tính chất, chức năng của Khu thương mại tự do; phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực; định hướng phát triển không gian, các khu chức năng trong Khu thương mại tự do; kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng và phát triển Khu thương mại tự do; phương án quản lý rủi ro, gian lận thương mại, gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp; kiến nghị các giải pháp và tổ chức thực hiện; thể hiện phương án thành lập Khu thương mại tự do trên bản đồ tỷ lệ 1:10.000 - 1:25.000; các nội dung khác có liên quan (nếu có).

Cơ quan quản lý nhà nước về Khu thương mại tự do có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và chuyên gia, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến thành lập Khu thương mại tự do về hồ sơ thành lập Khu thương mại tự do.

b) Tờ trình của Cơ quan quản lý nhà nước về Khu thương mại tự do trình Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai đề nghị thành lập Khu thương mại tự do.

c) Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến.

d) Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai về việc thành lập Khu thương mại tự do. Quyết định bao gồm các nội dung chính như sau: vị trí địa điểm, quy mô diện tích; mục tiêu và định hướng phát triển chủ yếu của Khu thương mại tự do; hoạt động, cơ chế, chính sách và tổ chức quản lý đối với Khu thương mại tự do; lộ trình và kế hoạch phát triển; tổ chức thực hiện; nội dung khác có liên quan (nếu có).

đ) Hồ sơ được lập thành 03 bộ bản chính (01 bộ hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố, 01 bộ hồ sơ gửi Sở Tài chính, 01 bộ hồ sơ lưu tại Cơ quan quản lý nhà nước về Khu thương mại tự do) kèm theo bản điện tử của hồ sơ.

3. Trình tự, thủ tục thành lập Khu thương mại tự do

a) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập Khu thương mại tự do (kèm theo Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định). Trường hợp hồ sơ không đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều này, Sở Tài chính thông báo bằng văn bản cho Cơ quan quản lý nhà nước về Khu thương mại tự do trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

Hội đồng thẩm định do Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố làm Chủ tịch Hội đồng, Sở Tài chính là cơ quan Thường trực Hội đồng, các thành viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo các cơ quan nhà nước, cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến thành lập Khu thương mại tự do, các chuyên gia thuộc các lĩnh vực liên quan. Trong trường hợp cần thiết, Sở Tài chính tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố mời đại diện các Bộ, ngành có liên quan tham gia Hội đồng thẩm định.

b) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc sau khi ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Sở Tài chính gửi hồ sơ lấy ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định và tổ chức Họp hội đồng thẩm định để làm rõ những vấn đề có liên quan. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc sau khi họp Hội đồng thẩm định, Sở Tài chính lập Báo cáo thẩm định gồm các nội dung thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc thành lập Khu thương mại tự do.

Nội dung thẩm định việc thành lập Khu thương mại tự do bao gồm: căn cứ pháp lý và sự cần thiết của việc thành lập Khu thương mại tự do; đánh giá việc đáp ứng các điều kiện thành lập Khu thương mại tự do quy định tại khoản 1 Điều này; đánh giá phương hướng phát triển của Khu thương mại tự do; đánh giá các giải pháp và tổ chức thực hiện.

Trường hợp hồ sơ thành lập Khu thương mại tự do không được Hội đồng thẩm định thông qua, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi họp Hội đồng thẩm định, Sở Tài chính thông báo bằng văn bản cho Cơ quan quản lý nhà nước về Khu thương mại tự do ý kiến của Hội đồng thẩm định để hoàn thiện hồ sơ.

c) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành Quyết định thành lập Khu thương mại tự do.

Điều 6. Trình tự, thủ tục điều chỉnh ranh giới, diện tích Khu thương mại tự do

1. Việc điều chỉnh ranh giới, diện tích Khu thương mại tự do được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi vị trí, ranh giới do thay đổi quy hoạch có liên quan nhưng không làm thay đổi tổng quy mô diện tích của Khu thương mại tự do;

b) Giảm quy mô diện tích của Khu thương mại tự do so với quy mô diện tích được xác định tại quyết định thành lập hoặc quyết định điều chỉnh gần nhất;

c) Tăng quy mô diện tích của Khu thương mại tự do không quá 10%, phần diện tích tăng thêm có ranh giới liền kề với Khu thương mại tự do hiện hữu;

d) Tăng quy mô diện tích của Khu thương mại tự do trên 10%, phần diện tích tăng thêm có ranh giới liền kề hoặc không liền kề với Khu thương mại tự do hiện hữu.

2. Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng các điều kiện thành lập Khu thương mại tự do quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này;

b) Đã đầu tư hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật dùng chung cho các khu chức năng trong Khu thương mại tự do;

c) Có ít nhất 70% diện tích đất của các khu chức năng trong Khu thương mại tự do đã được giao hoặc cho tổ chức, cá nhân thuê để thực hiện dự án đầu tư.

Trường hợp việc điều chỉnh quy định tại điểm d khoản 1 Điều này nhằm bổ sung khu chức năng cho Khu thương mại tự do hiện hữu để đáp ứng yêu cầu cấp bách phục vụ mục tiêu phát triển quốc gia và hội nhập quốc tế thì không áp dụng điều kiện quy định tại điểm c khoản này.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này:

a) Cơ quan được giao nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về Khu thương mại tự do lập hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị điều chỉnh; văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch làm phát sinh yêu cầu điều chỉnh; bản đồ thể hiện ranh giới Khu thương mại tự do trước và sau khi điều chỉnh; dự thảo Quyết định điều chỉnh ranh giới Khu thương mại tự do;

b) Trường hợp hồ sơ bảo đảm đầy đủ căn cứ theo quy định tại điểm a khoản này thì không phải thực hiện trình tự thẩm định quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều này. Cơ quan quản lý nhà nước về Khu thương mại tự do trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định điều chỉnh ranh giới Khu thương mại tự do theo điểm a khoản 3 Điều 21 Luật Phát triển đô thị.

4. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh đối với trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này gồm:

a) Đề án điều chỉnh ranh giới, diện tích Khu thương mại tự do, trong đó nêu căn cứ pháp lý, sự cần thiết và nội dung điều chỉnh; đánh giá hiện trạng xây dựng và phát triển Khu thương mại tự do; vị trí, phạm vi, quy mô diện tích khu vực điều chỉnh; đánh giá, giải trình việc đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này; phương hướng phát triển của Khu thương mại tự do sau khi điều chỉnh; kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng và phát triển; các giải pháp và tổ chức thực hiện; bản đồ thể hiện phương án điều chỉnh tỷ lệ 1:10.000 - 1:25.000. Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, Đề án phải xác định rõ phần diện tích tăng thêm có ranh giới liền kề với Khu thương mại tự do hiện hữu;

Cơ quan quản lý nhà nước về Khu thương mại tự do có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có khu vực dự kiến điều chỉnh;

b) Tờ trình đề nghị điều chỉnh ranh giới, diện tích Khu thương mại tự do;

c) Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến;

d) Dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh ranh giới, diện tích Khu thương mại tự do;

đ) Hồ sơ được lập thành 03 bộ bản chính, gồm 01 bộ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, 01 bộ gửi Sở Tài chính, 01 bộ lưu tại Cơ quan quản lý nhà nước về Khu thương mại tự do, kèm theo bản điện tử của hồ sơ.

5. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này gồm:

a) Đề án điều chỉnh ranh giới, diện tích Khu thương mại tự do, trong đó nêu căn cứ pháp lý, sự cần thiết và nội dung điều chỉnh; đánh giá hiện trạng xây dựng và phát triển Khu thương mại tự do; đánh giá các yếu tố, điều kiện về vị trí địa lý, tự nhiên, tài nguyên, kinh tế - xã hội, hạn chế và lợi thế so sánh của khu vực tăng thêm; xác định vị trí, ranh giới, quy mô diện tích khu vực tăng thêm và khả năng kết nối, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật với Khu thương mại tự do hiện hữu; đánh giá, giải trình việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này; phương hướng phát triển của Khu thương mại tự do sau khi điều chỉnh, gồm mục tiêu, quy mô diện tích, tính chất, chức năng, phương hướng phát triển ngành, lĩnh vực, định hướng không gian và các khu chức năng; kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng và phát triển; phương án quản lý rủi ro, gian lận thương mại, gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp; phương án bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu; các giải pháp và tổ chức thực hiện; bản đồ thể hiện phương án điều chỉnh tỷ lệ 1:10.000 - 1:25.000;

Cơ quan được giao nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về Khu thương mại tự do có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có khu vực dự kiến điều chỉnh;

b) Tờ trình đề nghị điều chỉnh ranh giới, diện tích Khu thương mại tự do;

c) Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến;

d) Dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh ranh giới, diện tích Khu thương mại tự do;

đ) Hồ sơ được lập thành 03 bộ bản chính, gồm 01 bộ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, 01 bộ gửi Sở Tài chính, 01 bộ lưu tại cơ quan được giao nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về Khu thương mại tự do, kèm theo bản điện tử của hồ sơ.

6. Trình tự, thủ tục thẩm định đối với trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này, Sở Tài chính tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, Sở Tài chính thông báo bằng văn bản cho cơ quan lập hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

Hội đồng thẩm định do lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố làm Chủ tịch Hội đồng; Sở Tài chính là cơ quan thường trực; thành viên Hội đồng gồm đại diện các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có khu vực dự kiến điều chỉnh và chuyên gia thuộc lĩnh vực có liên quan;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng thẩm định, Sở Tài chính gửi hồ sơ lấy ý kiến thành viên và tổ chức họp Hội đồng thẩm định. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng thẩm định, Sở Tài chính lập Báo cáo thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Nội dung thẩm định gồm căn cứ pháp lý và sự cần thiết của việc điều chỉnh; việc đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này; phạm vi, quy mô điều chỉnh; đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, việc đáp ứng yêu cầu về ranh giới liền kề; phương hướng phát triển của Khu thương mại tự do sau khi điều chỉnh và các giải pháp tổ chức thực hiện.

Trường hợp hồ sơ chưa được Hội đồng thẩm định thông qua, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng, Sở Tài chính thông báo bằng văn bản cho cơ quan lập hồ sơ để hoàn thiện;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, ban hành Quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích Khu thương mại tự do.

7. Trình tự, thủ tục thẩm định đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này, Sở Tài chính tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, Sở Tài chính thông báo bằng văn bản cho cơ quan lập hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

Hội đồng thẩm định do lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố làm Chủ tịch Hội đồng; Sở Tài chính là cơ quan thường trực; thành viên Hội đồng gồm đại diện các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có khu vực tăng thêm và chuyên gia thuộc lĩnh vực có liên quan. Trường hợp cần thiết, Sở Tài chính tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố mời đại diện bộ, cơ quan trung ương có liên quan tham gia Hội đồng thẩm định;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng thẩm định, Sở Tài chính gửi hồ sơ lấy ý kiến thành viên và tổ chức họp Hội đồng thẩm định.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng thẩm định, Sở Tài chính lập Báo cáo thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Nội dung thẩm định gồm căn cứ pháp lý và sự cần thiết của việc điều chỉnh; việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này; vị trí, ranh giới, quy mô diện tích khu vực tăng thêm; khả năng kết nối, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật với Khu thương mại tự do hiện hữu, nhất là đối với khu vực tăng thêm không liền kề; phương hướng phát triển của Khu thương mại tự do sau khi điều chỉnh; phương án quản lý rủi ro, bảo đảm quốc phòng, an ninh và các giải pháp tổ chức thực hiện.

Trường hợp hồ sơ chưa được Hội đồng thẩm định thông qua, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng, Sở Tài chính thông báo bằng văn bản cho cơ quan lập hồ sơ để hoàn thiện;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, ban hành Quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích Khu thương mại tự do.

Chương III

QUẢN LÝ, TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Điều 7. Quản lý nhà nước đối với Khu thương mại tự do

1. Khu thương mại tự do được quản lý nhà nước theo quy định tại Nghị quyết này và các quy định quản lý nhà nước áp dụng cho khu kinh tế theo quy định của pháp luật về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế và các pháp luật khác có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc giao nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về Khu thương mại tự do cho các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố. Cơ quan được giao nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về Khu thương mại tự do là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước đối với Khu thương mại tự do, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, cơ quan quản lý nhà nước về Khu thương mại tự do thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức triển khai, theo dõi việc thực hiện Quyết định thành lập, điều chỉnh Khu thương mại tự do; đề án, kế hoạch, lộ trình phát triển Khu thương mại tự do; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, cơ chế phối hợp quản lý Khu thương mại tự do;

b) Là đầu mối hướng dẫn, tiếp nhận, phối hợp giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong Khu thương mại tự do theo cơ chế một cửa, liên thông; cung cấp thông tin, hướng dẫn và hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức hoặc phối hợp thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư, hỗ trợ đầu tư, thu hút nhà đầu tư chiến lược và các dự án đầu tư phù hợp với mục tiêu, chức năng, định hướng phát triển của Khu thương mại tự do;

d) Theo dõi, tổng hợp tình hình đầu tư xây dựng, phát triển, khai thác hạ tầng và hoạt động của các khu chức năng, dự án đầu tư trong Khu thương mại tự do; thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư theo thẩm quyền; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo cơ quan có thẩm quyền và đề xuất giải pháp xử lý khó khăn, vướng mắc phát sinh;

đ) Xây dựng, quản lý, vận hành hoặc tổ chức kết nối nền tảng quản lý tổng thể, cơ sở dữ liệu về Khu thương mại tự do, bảo đảm liên thông với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố; thực hiện chia sẻ, khai thác, tái sử dụng dữ liệu và công khai thông tin theo quy định của pháp luật;

e) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền theo ngành, lĩnh vực trong quản lý hoạt động đầu tư, quy hoạch, đất đai, xây dựng, môi trường, lao động, thương mại, hải quan, thuế, ngoại hối, ngân hàng, khoa học và công nghệ, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực có liên quan; bảo đảm việc phối hợp không làm thay đổi nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan được pháp luật chuyên ngành quy định;

g) Rà soát, đề xuất kiện toàn tổ chức, nhân lực và các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với Khu thương mại tự do; tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý và phát triển Khu thương mại tự do;

h) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố và quy định của pháp luật.

Điều 8. Cơ chế, chính sách đối với Khu thương mại tự do

1. Thời gian hoạt động của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng thuộc khu thương mại tự do, thực hiện theo khoản 10 Điều 21 Luật phát triển đô thị.

2. Trừ dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với dự án đầu tư trong Khu thương mại tự do theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 21 Luật Phát triển đô thị.

3. Về thủ tục đầu tư

a) Nhà đầu tư thực hiện các dự án trong Khu thương mại tự do được quyền đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư.

b) Nhà đầu tư nước ngoài thành lập tổ chức kinh tế trong Khu thương mại tự do không phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thành lập tổ chức kinh tế và không cần phải có dự án đầu tư theo quy định tại khoản 9 Điều 21 Luật Phát triển đô thị.

4. Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng tại Khu thương mại tự do thuộc Danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược tại điểm 1 khoản 1 Điều 36 Luật Phát triển đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật phát triển đô thị.

5. Hoạt động đầu tư, kinh doanh và các cơ chế về quản lý ngoại thương, ngoại hối, ngân hàng, hải quan, thuế, khu phi thuế quan trong Khu thương mại tự do thực hiện theo các khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 8 Điều 21; Điều 22 Luật Phát triển đô thị.

6. Dự án đầu tư trong Khu thương mại tự do đáp ứng đối tượng, điều kiện áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các hình thức hỗ trợ đầu tư khác theo quy định tại Điều 39 Luật Phát triển đô thị, pháp luật về thuế, pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

7. Mức ưu đãi, thời gian miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do được áp dụng như dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng trong khu kinh tế.

8. Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới phát sinh tại địa bàn Khu thương mại tự do thuộc ngành, nghề, lĩnh vực: công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, Trung tâm R&D, công nghiệp vật liệu mới, vật liệu bán dẫn, công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao, công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, sản xuất giàn khoan tự nâng, giàn khoan nửa nổi nửa chìm cho khai thác dầu khí và các kết cấu siêu trường, siêu trọng phục vụ ngành dầu khí, thiết bị nâng hạ, chuyên dụng tải trọng lớn, sản xuất thiết bị điện gió được áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 20 năm, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Điều kiện, nguyên tắc áp dụng ưu đãi thuế và việc xác định thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại điểm này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

9. Người nước ngoài là chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, người lao động có trình độ cao làm việc tại Khu thương mại tự do được hưởng các chính sách về thu hút, trọng dụng và phát triển nguồn nhân lực theo quy định tại Điều 38 Luật Phát triển đô thị và các quy định pháp luật khác có liên quan.

10. Thiết lập khu vực xuất nhập cảnh ưu tiên tại sân bay quốc tế; áp dụng visa số hóa - thủ tục một cửa - phê duyệt trước online; cho phép xuất nhập cảnh nhiều lần không giới hạn với nhân sự thuộc các tập đoàn đa quốc gia, chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, người lao động có trình độ cao làm việc tại Khu thương mại tự do.

11. Cho phép người Việt Nam được phép mua hàng miễn thuế (có giới hạn về số tiền mua miễn thuế/1 năm/người là 1.500 USD) như người nước ngoài trong trung tâm mua sắm của khu phi thuế quan của Khu Thương mại tự do.

Điều 9. Chính sách đặc thù khác phát sinh trong quá trình hoạt động

1. Trường hợp cần ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù khác phát sinh trong quá trình hoạt động của Khu thương mại tự do để đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội cũng như thúc đẩy phát triển Khu thương mại tự do, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định các cơ chế, chính sách đặc thù sau khi được sự đồng ý của Thường trực Hội đồng Nhân dân thành phố.

2. Các cơ chế, chính sách đặc thù ban hành phải bảo đảm tuân thủ các quy định của Hiến pháp; phù hợp với các chủ trương, đường lối của Đảng; phù hợp với cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết; chỉ quy định một số cơ chế, chính sách phù hợp, thực sự cần thiết đối với yêu cầu phát triển của Khu thương mại tự do.

Điều 10. Nguyên tắc tuân thủ pháp luật chuyên ngành

Trừ các cơ chế, chính sách ưu đãi, tạo thuận lợi thương mại, chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan và cơ chế áp dụng đối với khu phi thuế quan đã được quy định tại Luật Phát triển đô thị và Nghị quyết này, hoạt động sản xuất, gia công, chế biến, trung chuyển, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, kho ngoại quan, thương mại điện tử xuyên biên giới, phân phối, hoàn tất đơn hàng phải tuân thủ pháp luật về quản lý ngoại thương, hải quan, thuế, xuất xứ hàng hóa, phòng vệ thương mại, an toàn thực phẩm, sở hữu trí tuệ, phòng, chống rửa tiền, buôn lậu, gian lận thương mại và pháp luật có liên quan.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, bảo đảm nguồn lực thực hiện; kiểm tra, đánh giá và báo cáo việc thi hành theo Điều ... Nghị định của Chính phủ quy định áp dụng Luật phát triển đô thị cho thành phố Đồng Nai và pháp luật có liên quan.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đồng Nai và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp chủ động phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được căn cứ hoặc được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Trường hợp văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai khóa X, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Công Thương, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH

Tôn Ngọc Hạnh